

BẢN TIN TUẦN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN CÁC LƯU VỰC SÔNG NĂM 2021

VÙNG TÂY NGUYÊN

(Tuần từ 06/08 đến 12/08/2021)

Trong tuần qua khu vực Tây Nguyên có mưa diện rộng, một số điểm mưa to từ 130÷180 mm. Nguồn nước trong hồ chứa thủy lợi hiện tại đạt khoảng 29÷73% dung tích thiết kế, thấp hơn khoảng 8% so với cùng kỳ nhiều năm.

Tổng diện tích sản xuất Vụ Mùa 2021 đạt khoảng 535.000ha (148 nghìn ha lúa, 387 nghìn ha hoa, màu và cây hàng năm khác). Diện tích có nguy cơ thiếu nước cục bộ hiện không còn, dự báo nguồn nước cơ bản đảm bảo phục vụ sản xuất.

Trong tuần qua tình hình thiệt hại do mưa lũ cũng không xảy ra trong khu vực.

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1.1. Lượng mưa

a) Nhận xét tình hình mưa tuần qua

Tổng lượng mưa trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Nguyên từ 0÷180 mm/tuần, một số điểm có mưa to như trạm Đăk Tô 129 mm (Kon Tum); trạm Pleiku 81 mm (Gia Lai); trạm Giang Sơn 60 mm (Đăk Lăk); trạm Đăk Nông 134 mm (Đăk Nông); trạm Bảo Lộc 180 mm (Lâm Đồng). Tuy nhiên, tổng lượng mưa từ 1/1/2021 đến thời điểm hiện tại so với TBNN ở mức thấp hơn khoảng 17%. Nhiệt độ trung bình tuần qua tại các tỉnh phổ biến trong khoảng từ 23⁰C÷26⁰C, cao hơn so với TBNN từ 1⁰C ÷ 2⁰C. Dự báo tuần tới nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức từ 23⁰C÷26⁰C, cao hơn so với cùng kỳ TBNN từ 0,2⁰C ÷ 1,6⁰C.

b) Đánh giá tình hình mưa trong giai đoạn tiếp theo

Theo dự báo mới nhất của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia (bản tin ngày 15/07/2021) khu vực Tây Nguyên: Hiện tượng ENSO ở trạng thái trung tính từ nay đến tháng 9/2021 với xác suất khoảng 75÷80%, sau đó giảm xuống khoảng 50% vào cuối năm 2021 và tiếp tục duy trì đến đầu năm 2022.

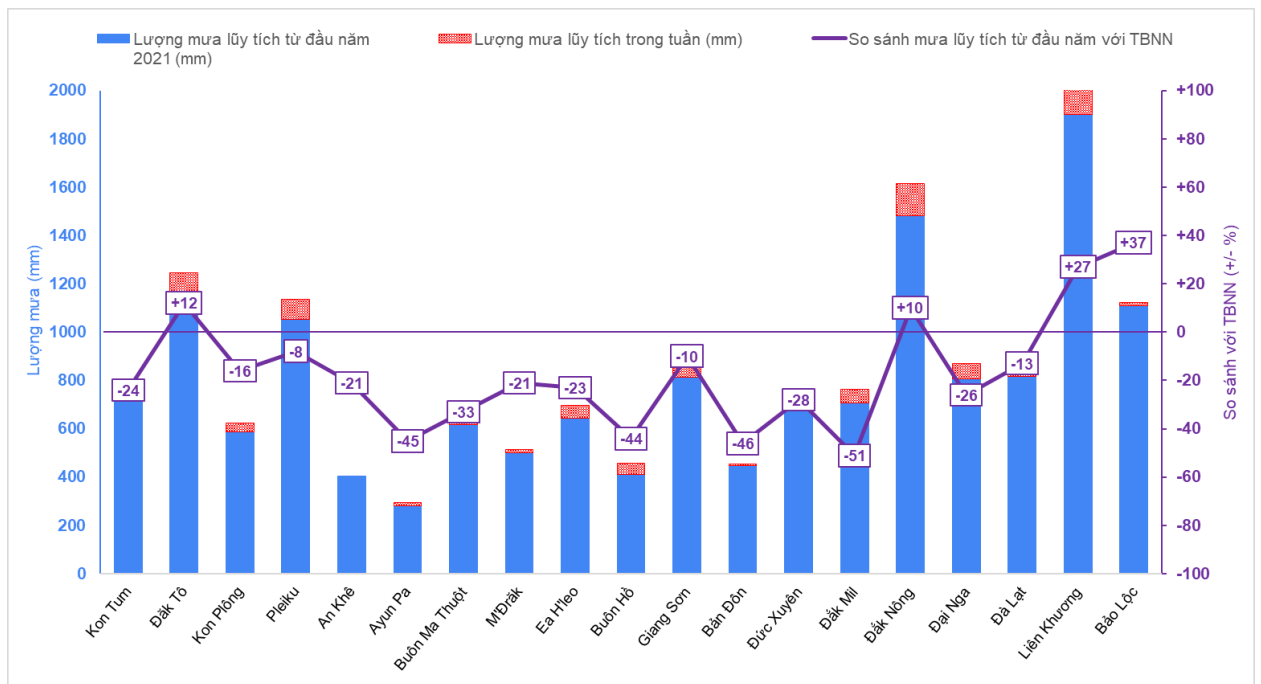
Nhiệt độ và nắng nóng dự báo: Nhiệt độ trung bình từ tháng 8÷10/2021 phổ biến ở mức cao hơn từ 0,5÷1⁰C so với TBNN. Từ tháng 11÷12/2021, nhiệt độ phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

Lượng mưa dự báo: Tháng 8÷9/2021, tổng lượng mưa phổ biến thấp hơn từ 5÷15% so với TBNN. Tháng 10÷11/2021, tổng lượng mưa phổ biến cao hơn từ 20÷40%, có

nơi trên 50%. Tháng 12/2021 và tháng 01/2022 phía Nam Tây Nguyên có khả năng xuất hiện các cơn mưa trái mùa trong mùa khô.

Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa tuần, dự báo mưa tại các trạm chính

TT	Trạm	Tỉnh TP	Tuần qua (mm)	Từ 1/1/2021 (mm) đến nay	So sánh với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo kỳ tới (mm)
					TBNN	2020	2019	2016	2015	
1	Kon Tum	Kon Tum	57	738	-24	-3	-24	-21	-20	46
2	Đắk Tô		129	1118	+12	+48	+28	+71	+75	72
3	Kon Plông		38	587	-16	-4	-16	+67	+143	47
4	Pleiku	Gia Lai	81	1053	-8	+19	+10	+76	+7	49
5	An Khê		0	405	-21	-46	+40	-47	-14	5
6	Cheo Reo		11	282	-45	-31	-38	-39	-25	12
7	Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	11	617	-33	-10	-29	-16	-24	30
8	M'Đrăk		12	502	-21	-22	-18	-8	+18	23
9	Ea H'leo		53	644	-23	+33	+3	-45	-21	29
10	Buôn Hồ		45	411	-44	-43	-36	-39	-30	24
11	Giang Sơn		60	813	-10	+12	+15	-11	+5	30
12	Bản Đôn		7	448	-46	-22	-29	-32	-25	17
13	Đức Xuyên	Đắk Nông	31	707	-28	-4	-26	-16	-10	25
14	Đắk Mil		57	705	-51	-14	0	0	-21	18
15	Đắk Nông		134	1480	+10	+38	+41	+23	+29	55
16	Đại Nga	Lâm Đồng	66	805	-26	-12	+2	-16	-21	40
17	Đà Lạt		11	815	-13	-27	+7	+4	-25	36
18	Bảo Lộc		180	1902	+27	+27	+22	+58	+37	71
19	Liên Khương		14	1110	+37	+26	+40	+50	+52	43
	Trung bình			0÷180	282÷1902	-17	-2	-	+3	+7



Hình 1. Lượng mưa lũy tích tại các trạm và so sánh với TBNN

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

Dung tích trữ hồ chứa thủy lợi hiện đạt từ 29 ÷ 73% DTTK, **trung bình tăng 1% so với tuần trước**. Cụ thể từng lưu vực như sau:

1. Lưu vực sông Sê San: Tổng dung tích hiện tại đạt 47% (tăng 2% so với tuần trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế cao hơn 4% so với cùng kỳ TBNN và năm 2020, thấp hơn so với các năm 2019, 2015 và 2016 từ 1÷5%.

2. Vùng thượng sông Ba vùng Tây Nguyên: Tổng dung tích hiện tại đạt 41% (không thay đổi so với tuần trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế thấp hơn năm 2020 là 2%, thấp hơn năm 2019 là 9% và thấp hơn TBNN khoảng 11%.

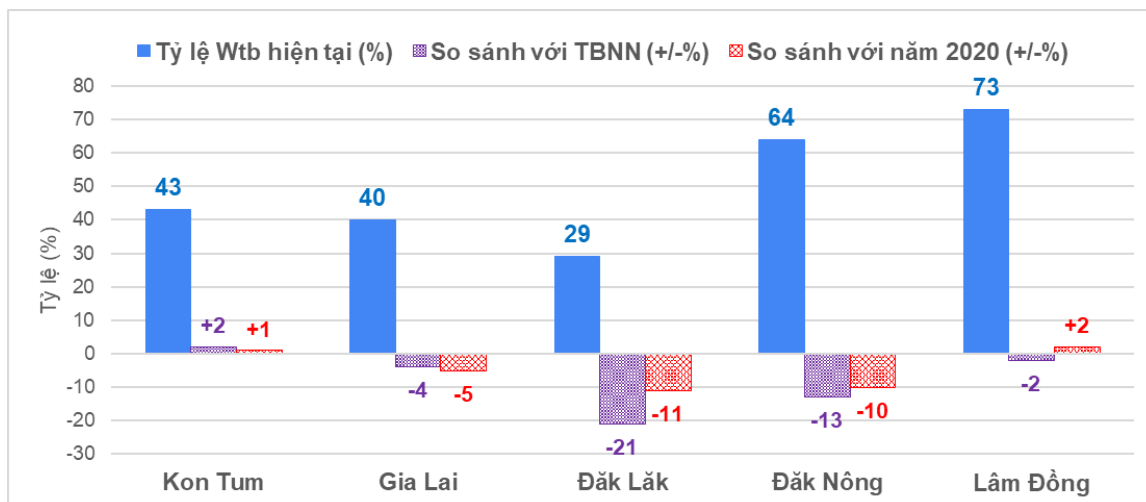
3. Lưu vực sông Srêpôk: Tổng dung tích hiện tại đạt 32% (không thay đổi so với tuần trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế thấp hơn TBNN là khoảng 12%, thấp hơn năm 2020 là 7% và thấp hơn năm 2019 là 16%.

4. Lưu vực sông Đồng Nai vùng Tây Nguyên: Tổng dung tích hiện tại đạt 76% (tăng 3% so với tuần trước). Tỷ lệ dung tích hiện tại so với thiết kế cao hơn năm 2020 là 3%, cao hơn năm 2019 là 1% và thấp hơn TBNN là 2%.

Chi tiết nguồn nước trong các hồ chứa xem phụ lục đi kèm, tổng hợp theo các lưu vực sông xem trong bảng 1.2 như sau.

Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi

TT	Lưu vực sông và phụ cận		Dung tích Wtb (triệu m3)		Tỷ lệ hiện tại (%)		Chênh lệch hiện tại so với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo Wtb kỳ tới (+/-%)
			Thiết kế	Hiện tại	Wtb	Whi	TBNN	2020	2019	2016	2015	
	Tổng cộng, TB		1.265	526	42	31	-8	-5	-5	-2	-	+1
1	Kon Tum	Sê San	70	30	43	31	+2	+1	-5	-	+6	+3
2	Gia Lai	Ba, Srêpôk	594	238	40	28	-4	-5	-1	-6	-1	+2
3	Đăk Lăk		402	118	29	20	-21	-11	-17	-13	-13	-1
4	Đăk Nông	Đồng Nai	60	39	64	61	-13	-10	-4	-3	-2	+5
5	Lâm Đồng		140	102	73	63	-2	+2	+1	+12	+10	+1



Hình 2. Tỷ lệ dung tích hiện tại và so sánh với cùng kỳ các năm

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

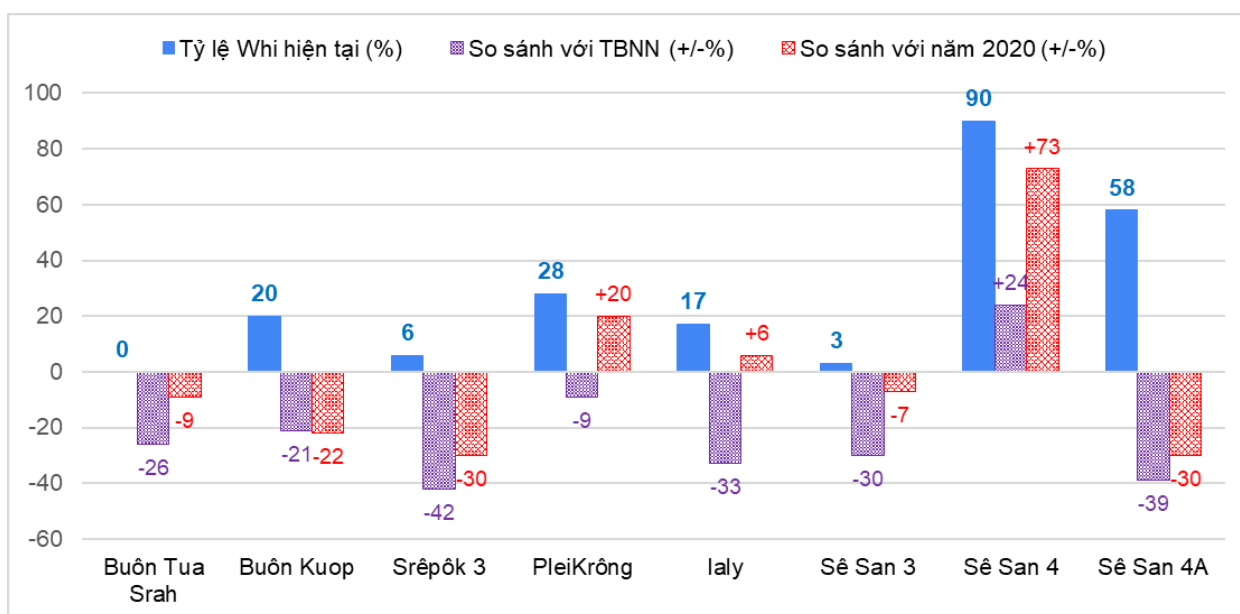
Các hồ thủy điện vùng Tây Nguyên tuần qua tổng dung tích **tăng khoảng 96 triệu m³**, hiện tại dung tích hữu ích các hồ như sau:

- **Lưu vực sông Srêpôk:** Tuần qua tổng dung tích các hồ **giảm khoảng 23 triệu m³**. Hiện tại, hồ Buôn Tua Srah xấp xỉ mực nước chết, hồ Buôn Kuop đạt 20% DTTK và Srêpôk 3 đạt 6% DTTK. So sánh với cùng kỳ TBNN, hồ Buôn Tua Srah thấp hơn 26%, các hồ Buôn Kuop thấp hơn 21% và hồ Srêpôk 3 thấp hơn 42%.

- **Lưu vực sông Sê San:** Tuần qua tổng dung tích các hồ **tăng khoảng 119 triệu m³**. Hiện tại, hồ PleiKrông dung tích đạt 28% DTTK, hồ Ialy đạt 17% DTTK và Sê San 4 đạt 90% DTTK. So sánh với cùng kỳ TBNN, hồ PleiKrông thấp hơn 9%, hồ Ialy thấp hơn 33%, và hồ Sê San 4 cao hơn 24%.

Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước của hồ thủy điện bổ sung nước vùng hạ du

TT	Tên công trình	Dung tích Wtb (triệu m3)		Tỷ lệ hiện tại (%)		So sánh dung tích hiện tại với cùng kỳ (+/-%)					Q đến (m3/s)	Q chạy máy (m3/s)
		Thiết kế	Hiện tại	Wtb	Whi	TBNN	2020	2019	2016	2015		
Tổng cộng/TB		4.154	2.195	53	25	-17	+14	+1	-5	+1		
1	Buôn Tua Srah	787	265	34	0	-26	-9	-11	-5	-3	84	106
2	Buôn Kuop	63	51	81	20	-21	-22	+6	-8	-29	139	210
3	Srêpôk 3	219	160	73	6	-42	-30	-27	-24	-27	163	285
4	PleiKrông	1.049	364	35	28	-9	+20	+5	+22	+16	316	241
5	Ialy	1.037	389	38	17	-33	+6	+2	-3	+9	344	302
6	Sê San 3	92	88	96	3	-30	-7	-3	-21	-27	282	353
7	Sê San 4	893	867	97	90	+24	+73	+18	+76	+52	424	474
8	Sê San 4A	13	10	75	58	-39	-30	-33	+5	-32	474	409



Hình 3. Tỷ lệ dung tích hữu ích các hồ thủy điện hiện tại và so sánh với cùng kỳ các năm

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HẠN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Vụ Mùa 2021, tổng diện tích gieo trồng toàn vùng khoảng **535 nghìn ha lúa, hoa màu và cây hàng năm khác** (148 nghìn ha lúa, 387 nghìn ha hoa, màu và cây hàng năm khác). Với tình hình nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện như hiện tại và dự báo mưa trong vụ Mùa 2021, nhìn chung toàn vùng đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất. Cụ thể tại từng lưu vực như sau:

1. Lưu vực sông Sê San: Tổng diện tích gieo trồng vụ Mùa 2021 đối với 25 hệ thống công trình thủy lợi trên lưu vực sông Sê San là khoảng 9.078 ha. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 25/25 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.

2. Lưu vực thượng sông Ba: Tổng diện tích gieo trồng vụ Mùa năm 2021 của 23 công trình trên lưu vực thượng sông Ba vùng Tây Nguyên là khoảng 15.263 ha. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 23/23 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.

3. Lưu vực sông Srêpôk: Tổng diện tích gieo trồng vụ Mùa 2021 với 31 hệ thống công trình thủy lợi là khoảng 32.254 ha. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 29/31 công trình đáp ứng 100% kế hoạch sản xuất; 2/31 công trình đáp ứng một phần gồm hồ Vụ Bôn và Đăk Đ'ông.

4. Lưu vực thượng Đồng Nai: Tổng diện tích gieo trồng vụ Mùa năm 2021 của 29 công trình trên lưu vực thượng Đồng Nai vùng Tây Nguyên là khoảng 14.754 ha. Kết quả tính toán cân bằng nước cho toàn hệ thống cho thấy: 29/29 công trình đáp ứng đủ 100% diện tích tưới theo kế hoạch.

Kết quả chi tiết tính toán cân bằng nước các công trình xem phụ lục kèm theo, tổng hợp theo lưu vực sông trong vùng xem trong bảng 2.1.

Bảng 2.1. Kết quả tính toán khả năng cấp nước các công trình

TT	Tỉnh, TP	Lưu vực sông và phụ cận	Dung tích hiện tại (triệu m ³)		Diện tích (ha)	Nhu cầu nước còn lại đến cuối vụ (triệu m ³)	Kế hoạch sử dụng nước			Khuyến cáo đến cuối vụ
			Wtb	Whi			Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	Whi cuối vụ (%)	
	Tổng cộng		526	343	71.348	76	100	71.035	80	
1	Kon Tum	Sê San	29,8	17,1	5.621	0,9	100	5.621	53	Đủ nước
2	Gia Lai	Sông Ba Srêpôk	238,1	142,4	18.652	23,0	100	18.652	67	Đủ nước
3	Đăk Lăk		118,0	74,5	25.855	37,2	99	25.694	93	Thiếu cục bộ
4	Đăk Nông	Đồng Nai	38,7	34,0	10.866	9,0	99	10.714	98	Thiếu cục bộ
5	Lâm Đồng		101,9	75,1	10.354	5,8	100	10.354	89	Đủ nước

2.3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Lượng mưa cộng dồn trung bình tại các trạm chính trên địa bàn các tỉnh vùng Tây Nguyên tính từ tháng 1/2021 và mưa dự báo hết tuần sau nhìn chung phổ biến ở mức **thấp hơn TBNN từ 20÷25%**, vì vậy vẫn có thể xảy ra hạn hán, thiếu nước cục bộ ở một số khu vực (huyện Ea Kar, M’Đrăk, Krông Buk, Buôn Hồ, Buôn Đôn, Ea Súp tỉnh Đăk Lăk; huyện Cư Jút, Đăk Mil tỉnh Đăk Nông). Bảng tổng hợp thông tin nguồn nước và nhu cầu nước vùng nằm ngoài công trình thủy lợi theo kịch bản kiến nghị tính toán.

Bảng 2.2. So sánh lượng mưa và khuyến cáo, mức độ rủi ro hạn

TT	Trạm	Tỉnh/TP	Vùng, huyện	Từ đầu năm + dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Cảnh báo
					Năm Min	Năm TB	Năm Max	
1	Kon Tum	Kon Tum	TP Kon Tum, Đăk Hà	784	+77	-26	-50	Hạn nhẹ, cục bộ
2	Đăk Tô		Tu Mơ Rông, Ngọc Hồi, Đăk Tô	1.190	+166	+8	-25	Không hạn
3	Kon Plông		KonPlong, Kon Rẫy	634	+123	-18	-58	Hạn nhẹ, cục bộ
4	Pleiku	Gia Lai	TP PleiKu, Ia Grai, ChuPah	1.102	+166	-13	-45	Hạn nhẹ, cục bộ
5	An Khê		An Khê, KBang	410	+51	-24	-58	Hạn nhẹ, cục bộ
6	Cheo Reo		Phú Thiện, AyunPa, EaHleo, Ea Kar, M’Đrak, Krông Pa, Krông Năng	295	-6	-47	-66	Hạn vừa, nặng
7	Buôn Ma Thuột	Đăk Lăk	Buôn Ma Thuột	646	+21	-36	-55	Hạn vừa, nặng
8	M’Đrăk		Mdrak	524	+81	-21	-57	Hạn nhẹ, cục bộ
9	Ea H’leo		Eahleo	673	+40	-27	-61	Hạn nhẹ, cục bộ
10	Buôn Hồ		Buôn Hồ	435	-4	-46	-64	Hạn vừa, nặng
11	Giang Son		Giang Son	843	+48	-14	-36	Hạn nhẹ, cục bộ
12	Bán Đôn		Bán Đôn	465	-24	-48	-66	Hạn vừa, nặng
13	Đức Xuyên		Đức Xuyên	732	+14	-30	-54	Hạn vừa, nặng
14	Đăk Mil	Đăk Nông	Dak Mil	723	+31	-28	-50	Hạn nhẹ, cục bộ
15	Đăk Nông		Gia Nghĩa	1.535	+74	+5	-47	Không hạn
16	Đại Nga		Đà Lạt	845	+4	-29	-53	Hạn nhẹ, cục bộ
16	Đà Lạt	Lâm Đồng	Đà Lạt	851	+28	-15	-41	Hạn nhẹ, cục bộ
17	Bảo Lộc		Bảo Lộc	1.973	+104	+20	-19	Không hạn
18	Liên Khương		Đức Trọng	1.153	+135	+34	-16	Không hạn

2.3. Tổng hợp thông kê chỉ tiêu ngành

TT	Tỉnh/TP	Sản xuất vụ Mùa 2021 toàn vùng (ha)				Diện tích lúa đã gieo vụ Mùa 2021 (ha)	Chuyển đổi do thiếu nước (ha)	Điều chỉnh KHSX do thiếu nước (ha)	Diện tích bị ảnh hưởng (ha)		
		Tổng	Màu, hàng năm khác	Cây ăn quả, CN	Lúa				Cao nhất	Hiện tại	Xu thế
	Tổng	1.191.222	386.836	656.571	147.815	147.815	0	0	94	0	0
1	Kon Tum	45.728	6.906	26.263	12.559	12.559					
2	Gia Lai	155.555	95.620	10.635	49.300	49.300					
3	Đắk Lắk	439.960	144.960	235.000	60.000	60.000					
4	Đắk Nông	266.930	76.720	182.500	7.710	7.710			94		
5	Lâm Đồng	283.049	62.630	202.173	18.246	18.246					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trong vùng đang sản xuất vụ Mùa 2021, tổng diện tích gieo trồng toàn vùng là khoảng 535 nghìn ha lúa, hoa màu và cây hàng năm khác (148 nghìn ha lúa, 387 nghìn ha hoa, màu và cây hàng năm khác). Căn cứ vào tình hình nguồn nước tại các công trình thủy lợi, thủy điện và dự báo mưa vụ Mùa 2021 cho thấy các công trình cơ bản đảm bảo cấp nước theo kế hoạch. Tình trạng thiếu nước cục bộ đã không còn.

Khuyến cáo hiện tại dựa trên số liệu hiện trạng nguồn nước và dự báo mưa đến hết tháng 8/2021, cần theo dõi các bản tin tiếp theo để cập nhật tình hình dự báo mưa và nguồn nước trong giai đoạn tới.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 13/08/2021.